

Số: /QĐ-ĐHBK Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho sinh viên
đại học hình thức Vừa làm vừa học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐTĐHBK ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Bách khoa về việc ban hành Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Bách khoa – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2349/QĐ-ĐHBK ngày 19/06/2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Bách khoa – ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy định Quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ;

Theo đề nghị của Ông Trưởng Phòng Đào tạo xét tốt nghiệp năm 2026 đợt 1.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho **150** sinh viên đại học (đính kèm danh sách tốt nghiệp).

Điều 2. Các Ông/Bà Trưởng Phòng Đào tạo, các Khoa quản lý sinh viên, các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, P. ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Thiên Phúc

BẢNG THỐNG KÊ SINH VIÊN ĐẠI HỌC HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC TỐT NGHIỆP NĂM 2026 ĐỢT 1

(Đính kèm quyết định số: /QĐ-ĐHBK, ký ngày / /2026)

Stt	Ngành đào tạo	Khóa 2022 tại Trường					Khóa 2022 Liên kết đào tạo					Các khóa trước				Tổng	
		Xuất sắc	Giỏi	Khá	TB-Khá	TB	Tên đơn vị liên kết	Xuất sắc	Giỏi	Khá	TB-Khá	TB	Giỏi	Khá	TB-Khá		TB
1	Cơ kỹ thuật													1	3		4
2	Vật lý kỹ thuật											1	1	1			3
3	Kỹ thuật cơ điện tử			1				1					1				3
4	Kỹ thuật cơ khí			1				1			1		3	10			16
5	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp				1								1				2
6	Kỹ thuật nhiệt							4						2			6
7	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng													1			1
8	Bảo dưỡng Công nghiệp				1									3			4
9	Kỹ thuật dầu khí				1									1			2
10	Kỹ thuật địa chất													1			1
11	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		1	2									4	7			14
12	Kỹ thuật điện			2			Tổng Cty ĐL Miền Nam			2		3	2	5			14
13	Kỹ thuật điện tử - viễn thông		1										2	7			10
14	Khoa học máy tính				1							1	6				8
15	Kỹ thuật máy tính			1									1	2			4
16	Công nghệ sinh học												1				1
17	Công nghệ thực phẩm					1								1			2
18	Kỹ thuật hóa học			3									1	4			8
19	Quản lý công nghiệp			1													1
20	Kiến trúc													2			2
21	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng												1	3	1		5
22	Kỹ thuật xây dựng	1				1							6	7			15
23	Kỹ thuật xây dựng công trình biển													1			1
24	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông													4			4
25	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy												1	2			3
26	Kỹ thuật môi trường			1													1
27	Quản lý tài nguyên và môi trường												1	2			3
28	Kỹ thuật ô tô			2									2	1			5
29	Kỹ thuật tàu thủy													1			1
30	Kỹ thuật vật liệu												1	5			6
	Tổng	1	2	14	4	2		6	2		4	2	36	76	1		
	Tổng cộng	23					12					115				150	

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG NĂM 2026 ĐỢT 1

(Đính kèm quyết định số: /QĐ-ĐHBK, ký ngày / /2026)

Stt	Họ và tên	Mã số SV	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm trung bình tích lũy ngành	Xếp loại	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
Khoa Khoa học Ứng dụng										
1	Phan Anh Dũng	1912961	10/04/2001	Bình Định	Tỉnh Bình Định	6.76	TB-Khá	TOEIC 535	Cơ kỹ thuật	
2	Phan Mạnh Dũng	1910978	10/09/2001	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.46	TB-Khá	IELTS 5.5	Vật lý kỹ thuật	
3	Trần Minh Khôi	1913846	24/02/2001	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7.00	Khá	TOEIC 600	Cơ kỹ thuật	
4	Nguyễn Minh Quang	1712779	26/10/1999	Tây Ninh	Tỉnh Tây Ninh	6.48	TB-Khá	TOEIC 510	Cơ kỹ thuật	
5	Đặng Thị Tuyết Sương	1914980	05/03/2000	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7.11	Khá	TOEIC 575	Vật lý kỹ thuật	
6	Nguyễn Vũ Trường	1915742	23/09/2001	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	8.29	Giỏi	TOEIC 630	Vật lý kỹ thuật	
7	Trần Anh Tuấn	1814620	01/08/2000	Nam Định	Tỉnh Đắk Nông	6.51	TB-Khá	TOEIC 600	Cơ kỹ thuật	
Khoa Cơ khí										
8	Lê Hùng Anh	1811415	25/11/2000	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	6.54	TB-Khá	TOEIC 460	Bảo dưỡng Công nghiệp	
9	Quách Hoàng Anh	1912614	09/11/2001	Sóc Trăng	Tỉnh Sóc Trăng	7.17	Khá	TOEIC 600	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	
10	Phạm Thành Công	1912808	16/06/2001	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	6.70	TB-Khá	TOEIC 520	Kỹ thuật cơ khí	
11	Nguyễn Chí Cường	2233159	20/09/2000	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	2.70	Khá	TOEIC 630	Kỹ thuật cơ điện tử	
12	Nguyễn Thị Diễm	2247506	07/01/2000	Tây Ninh	Tỉnh Tây Ninh	3.20	Giỏi	TOEIC 685	Kỹ thuật nhiệt	
13	Nguyễn Anh Duy	1912892	02/05/2001	An Giang	Tỉnh An Giang	6.89	TB-Khá	TOEIC 665	Kỹ thuật cơ khí	
14	Phan Nguyên Dũng	1833020	20/03/1993	Bà Rịa-Vũng Tàu	T.Bà Rịa Vũng Tàu	6.87	TB-Khá	TOEIC 495	Kỹ thuật nhiệt	
15	Trương Thanh Hải	1933724	04/09/1996	Tây Ninh	Tỉnh Tây Ninh	6.27	TB-Khá	TOEIC 455	Kỹ thuật nhiệt	
16	Nguyễn Trung Hiếu	1812189	24/11/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	T.Bà Rịa Vũng Tàu	6.66	TB-Khá	TOEIC 515	Kỹ thuật cơ khí	
17	Nguyễn Phước Hòa	1812318	11/02/2000	An Giang	Tỉnh An Giang	6.59	TB-Khá	TOEIC 455	Bảo dưỡng Công nghiệp	
18	Nguyễn Đăng Huy	2247648	20/12/2000	Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hoà	2.40	Trung Bình	TOEIC 700	Kỹ thuật cơ khí	
19	Hoàng Chế Kiên	2011462	09/09/2002	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.56	TB-Khá	TOEIC 720	Bảo dưỡng Công nghiệp	
20	Nguyễn Thành Lâm	2247767	06/11/2001	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2.60	Khá	TOEIC 650	Kỹ thuật cơ khí	
21	Nguyễn Duy Linh	2247634	11/03/1991	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	3.30	Giỏi	TOEIC 600	Kỹ thuật nhiệt	
22	Phạm Hà Minh Long	1911521	12/01/2001	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.56	TB-Khá	TOEIC 655	Kỹ thuật cơ khí	
23	Nguyễn Xuân Ngọc	1813254	01/04/2000	Lâm Đồng	Tỉnh Bình Dương	6.56	TB-Khá	TOEIC 610	Bảo dưỡng Công nghiệp	
24	Vũ Quang Nhật	1914498	09/05/2001	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	7.11	Khá	TOEIC 595	Kỹ thuật cơ khí	
25	Huỳnh Văn Nin	1914572	08/09/2001	Quảng Nam	Tỉnh Quảng Nam	6.81	TB-Khá	TOEIC 550	Kỹ thuật cơ khí	
26	Nguyễn Hồng Phát	2035041	07/01/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.75	TB-Khá	TOEIC 780	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	
27	Dương Hoàng Phúc	1813556	16/04/2000	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	6.87	TB-Khá	TOEIC 470	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
28	Trần Trọng Phúc	1933788	27/01/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.95	TB-Khá	TOEIC 450	Kỹ thuật cơ khí	
29	Nguyễn Hoàng Phụng	1914727	21/01/2001	Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	6.96	TB-Khá	TOEIC 780	Kỹ thuật cơ khí	
30	Nguyễn Trường Tạo	1813906	21/01/2000	Quảng Ngãi	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.89	TB-Khá	TOEIC 630	Kỹ thuật cơ khí	
31	Đoàn Minh Tâm	1613041	10/07/1998	Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	6.11	TB-Khá	TOEIC 400	Kỹ thuật cơ khí	
32	Huỳnh Ngọc Thuận	2247596	03/11/2000	Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	3.20	Giỏi	TOEIC 620	Kỹ thuật nhiệt	

Stt	Họ và tên	Mã số SV	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm trung bình tích lũy ngành	Xếp loại	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
33	Mạch Thanh Thuận	1915380	07/02/2000	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	7.23	Khá	TOEIC 755	Kỹ thuật cơ khí	
34	Đoàn Hữu Thuyết	2247597	06/08/2000	Tiền Giang	Thành Phố Hồ Chí Minh	3.30	Giỏi	TOEIC 600	Kỹ thuật cơ khí	
35	Nguyễn Minh Triền	2247607	16/02/1992	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	3.30	Giỏi	TOEIC 640	Kỹ thuật nhiệt	
36	Lương Lâm Trường	2242025	09/12/2000	An Giang	Tỉnh An Giang	3.40	Giỏi	TOEIC 640	Kỹ thuật cơ điện tử	
37	Nguyễn Quang Tùng	1915833	07/07/2001	Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	7.24	Khá	TOEIC 505	Kỹ thuật cơ khí	
38	Đào Văn Vũ	1915969	10/01/2001	Thanh Hóa	Tỉnh Kon Tum	6.89	TB-Khá	TOEIC 625	Kỹ thuật cơ khí	
39	Nguyễn Ngọc Vũ	1632089	07/01/1984	TP Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7.63	Khá	TOEIC 440	Kỹ thuật cơ điện tử	
Khoa Kỹ thuật Địa chất và Dầu khí										
40	Nguyễn Thành Đạt	2052944	10/02/2002	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	6.99	TB-Khá	IELTS 5.5	Kỹ thuật dầu khí	
41	Nguyễn Công Tài	1713010	14/05/1999	Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	6.58	TB-Khá	TOEIC 415	Kỹ thuật địa chất	
42	Đình Minh Trường	1814550	28/10/2000	Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	6.79	TB-Khá	TOEIC 535	Kỹ thuật dầu khí	
Khoa Điện - Điện tử										
43	Đình Phùng Tuấn Anh	2247705	01/10/2001	Hà Tĩnh	Tỉnh Bình Dương	2.90	Khá	TOEIC 610	Kỹ thuật điện	
44	Phạm Đức Anh	1912609	20/05/2001	Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	6.55	TB-Khá	TOEIC 565	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
45	Nguyễn Huy Cường	1751011	19/09/1999	Tp. Hồ Chí Minh	T.Bà Rịa Vũng Tàu	6.87	TB-Khá	IELTS 6.5	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
46	Nguyễn Tấn Cường	1610373	25/01/1998	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	7.45	Khá	TOEIC 650	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
47	Bùi Lê Dũng	1811768	26/07/2000	Bà Rịa-Vũng Tàu	T.Bà Rịa Vũng Tàu	7.22	Khá	IELTS 5.5	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
48	Trương Thành Đạt	1710996	14/05/1999	Quảng Nam	Thành Phố Đà Nẵng	6.99	TB-Khá	TOEIC 555	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
49	Ngô Hoàng Giang	1913187	03/05/2001	Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	7.43	Khá	TOEIC 520	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
50	Bào Hiến	1833035	16/12/1996	Tp.Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.80	TB-Khá	Tương Đương TOEIC 400	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
51	Lê Quốc Hoàng	2434002	19/03/1996	Tỉnh Phú Yên	Thành Phố Hồ Chí Minh	3.50	Giỏi	TOEIC 775	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
52	Mai Ngọc Hoàng	2233028	19/08/1998	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	2.50	Khá	TOEIC 740	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
53	Nguyễn Minh Huy	1851029	26/08/2000	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.56	TB-Khá	TOEFL iBT 82	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
54	Trần Thanh Huy	1911264	16/08/2001	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.52	TB-Khá	IELTS 6.5	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
55	Khuông Đại Lễ	1711919	08/09/1999	Quảng Nam	Tỉnh Quảng Nam	6.06	TB-Khá	TOEIC 500	Kỹ thuật điện	
56	Tiêu Nguyễn Kim Long	1812935	29/01/2000	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.43	TB-Khá	IELTS 7.0	Kỹ thuật điện	
57	Vương Lý Bảo Long	1651060	02/08/1998	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.60	TB-Khá	Tương Đương TOEIC 555	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
58	Phan Văn Lộc	1914028	11/03/2001	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7.02	Khá	TOEIC 665	Kỹ thuật điện	
59	Nguyễn Văn Nam	1813168	04/03/2000	Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	7.50	Khá	TOEIC 490	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
60	Trần Hữu Nam	2033066	19/11/1995	Quảng Bình	Tỉnh Quảng Bình	7.84	Khá	Tương Đương TOEIC 455	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
61	Nguyễn Đức Nguyên	1914378	03/02/2001	Thái Bình	Tỉnh Thái Bình	6.49	TB-Khá	TOEIC 500	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
62	Trần Khải Nguyên	1914401	27/12/2001	Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hoà	6.75	TB-Khá	TOEIC 700	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
63	Hoàng Văn Nhanh	1933023	14/04/1995	Hung Yên	Tỉnh Tây Ninh	7.02	Khá	TOEIC 410	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
64	Huỳnh Phương Nhi	2148031	29/11/2003	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	2.40	Trung Bình	TOEIC 620	Kỹ thuật điện	
65	Trần Đại Phát	1810426	08/06/2000	Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	6.39	TB-Khá	TOEIC 505	Kỹ thuật điện	
66	Trần Minh Phúc	1813595	23/06/2000	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	6.97	TB-Khá	TOEIC 485	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
67	Lê Vương Anh Quân	1612812	08/11/1998	Thừa Thiên Huế	Tỉnh Thừa Thiên Huế	6.31	TB-Khá	TOEIC 600	Kỹ thuật điện	
68	Trần Minh Hoàng Quyên	2148040	03/10/2003	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	2.30	Trung Bình	TOEIC 600+225	Kỹ thuật điện	
69	Trần Quốc Sĩ	1612949	11/06/1997	Bình Định	Tỉnh Bình Định	6.34	TB-Khá	TOEIC 485	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
70	Hồ Quang Tâm	1751082	20/08/1999	Tây Ninh	Tỉnh Tây Ninh	6.43	TB-Khá	IELTS 6.0	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
71	Cung Nguyệt Thanh	2148047	08/07/2003	Bà Rịa-Vũng Tàu	T.Bà Rịa Vũng Tàu	2.50	Khá	TOEIC 675+225	Kỹ thuật điện	

Stt	Họ và tên	Mã số SV	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm trung bình tích lũy ngành	Xếp loại	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
72	Nguyễn Hoàng Thành	1910530	12/06/2001	An Giang	Tỉnh An Giang	7.12	Khá	TOEIC 565	Kỹ thuật điện	
73	Võ Phú Thành	2151259	07/02/2003	Tiền Giang	Tỉnh Long An	2.60	Khá	IELTS 5.5	Kỹ thuật điện	
74	Đỗ Thị Thu Thảo	2133133	25/12/1999	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	8.01	Giỏi	IELTS 5.0	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
75	Nguyễn Trọng Trung	1915697	16/03/2001	Hà Tĩnh	Tỉnh Hà Tĩnh	6.57	TB-Khá	TOEIC 550	Kỹ thuật điện	
76	Nguyễn Duy Tùng	2247616	25/12/2000	Phú Thọ	T.Bà Rịa Vũng Tàu	2.50	Khá	TOEIC 625	Kỹ thuật điện	
77	Nguyễn Trọng Quang Vinh	1713985	01/01/1999	Long An	Tỉnh Long An	6.54	TB-Khá	TOEIC 840	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
78	Đặng Ngọc Phương Vĩ	1933840	01/02/1998	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	7.37	Khá	TOEIC 415	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
79	Đặng Văn Vĩnh	1915962	24/09/2001	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	6.67	TB-Khá	TOEIC 555	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
80	Ong Thị Thúy Vy	2148068	27/10/2003	Hậu Giang	Tỉnh Hậu Giang	2.40	Trung Bình	TOEIC 710+250	Kỹ thuật điện	
Khoa Khoa học và Kỹ thuật Máy tính										
81	Tăng Thế Nhật Huy	1752241	21/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7.09	Khá	IELTS 7.0	Kỹ thuật Máy tính	
82	Nguyễn Anh Khoa	2053134	01/01/2002	An Giang	Tỉnh An Giang	2.70	Khá	IELTS 5.5	Kỹ thuật máy tính	
83	Nguyễn Thị Hương Lan	1933042	14/05/1995	Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Nông	7.42	Khá	TOEIC 505	Khoa học máy tính	
84	Lê Tấn Long	1935019	15/11/1991	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7.10	Khá	TOEIC 630	Khoa học máy tính	
85	Bùi Phát Lộc	1752326	18/03/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.64	TB-Khá	IELTS 6.5	Kỹ thuật máy tính	
86	Phan Thế Minh	1852580	08/11/2000	Tây Ninh	Tỉnh Tây Ninh	6.44	TB-Khá	IELTS 6.5	Kỹ thuật máy tính	
87	Lê Văn Nam	1712237	08/01/1999	Kon Tum	Tỉnh Kon Tum	7.17	Khá	TOEIC 875	Khoa học máy tính	
88	Trương Huỳnh Phát	2033076	26/09/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.80	TB-Khá	TOEIC 460	Khoa học máy tính	
89	Nguyễn Duy Tân	1713069	26/02/1999	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	7.08	Khá	TOEIC 520	Khoa học máy tính	
90	Trần Nam Tiến	1733604	17/05/1988	Thuận Hải	Tỉnh Kiên Giang	8.13	Giỏi	Tương Đương TOEIC 400	Khoa học máy tính	
91	Lê Khả Tiệp	1933046	10/12/1994	Thanh Hóa	Tỉnh Long An	7.54	Khá	Tương Đương TOEIC 400	Khoa học máy tính	
92	Phạm Hoàng Trường	1915745	29/07/2001	Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long	7.50	Khá	IELTS 5.5	Khoa học máy tính	
Khoa Kỹ thuật Hóa học										
93	Nguyễn Lâm Đức Duy	1811720	22/10/2000	Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận	7.56	Khá	TOEIC 515	Kỹ thuật hóa học	
94	Diệp Tiểu Giao	1812012	29/10/2000	Đồng Nai	Tỉnh Bình Phước	6.69	TB-Khá	IELTS 4.0	Kỹ thuật hóa học	
95	Lao Chí Hào	2153324	03/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2.70	Khá	IELTS 5.5	Kỹ thuật hóa học	
96	Nguyễn Thị Cúc Huỳnh	1913598	11/02/2001	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	6.49	TB-Khá	TOEIC 560	Kỹ thuật hóa học	
97	Lê Minh Tường Khánh	2053113	11/02/2002	Bà Rịa-Vũng Tàu	T.Bà Rịa Vũng Tàu	2.40	Trung Bình	IELTS 5.5	Công nghệ thực phẩm	
98	Lê Việt Hoàng Long	1911513	17/09/2001	Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hoà	6.91	TB-Khá	IELTS 7.0	Kỹ thuật hóa học	
99	Nguyễn Thành Luân	1952830	04/10/2001	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.87	TB-Khá	IELTS 6.0	Công nghệ thực phẩm	
100	Đào Văn Minh	1937025	10/12/1995	Hưng Yên	Tỉnh Bình Phước	6.99	TB-Khá	TOEIC 555	Kỹ thuật hóa học	
101	Nguyễn Thái Nhựt	2052640	16/12/2002	Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long	2.70	Khá	IELTS 5.5	Kỹ thuật hóa học	
102	Nguyễn Thị Thu Thảo	2053445	26/02/2002	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2.70	Khá	IELTS 5.5	Kỹ thuật hóa học	
103	Ngô Bùi Thanh Trúc	1915711	01/08/2001	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	7.92	Khá	TOEIC 515	Công nghệ sinh học	
Khoa Quản lý Công nghiệp										
104	Nguyễn Lê Ngọc Danh	2050001	07/10/2001	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	2.70	Khá	IELTS 5.5	Quản lý công nghiệp	
Khoa Kỹ thuật Xây dựng										
105	Trần Thị An	1912548	10/02/1999	Quảng Ngãi	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.61	TB-Khá	TOEIC 555	Kiến trúc	
106	Nguyễn Gia Bảo	1912670	20/04/2001	Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	5.99	Trung Bình	TOEIC 590	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	
107	Nguyễn Lê Thái Dương	1910991	21/11/2000	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7.54	Khá	IELTS 7.5	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
108	Nguyễn Phan Tiến Đạt	1913051	20/09/2001	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.31	TB-Khá	TOEIC 565	Kiến trúc	

Stt	Họ và tên	Mã số SV	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm trung bình tích lũy ngành	Xếp loại	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
109	Nguyễn Ngô Phú	Đăng	1913095	14/10/2001	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	7.34	Khá	TOEIC 600	Kỹ thuật xây dựng
110	Đỗ Lê Thanh	Hào	1913220	13/06/2001	Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận	7.14	Khá	TOEIC 505	Kỹ thuật xây dựng
111	Trần Văn	Hào	1913236	09/10/2001	Nam Định	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.51	TB-Khá	TOEIC 505	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
112	Nguyễn Hồng	Hải	1711182	10/10/1999	Cà Mau	Tỉnh Cà Mau	6.21	TB-Khá	TOEIC 555	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng
113	Nguyễn Công	Hoan	1632022	05/09/1994	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	6.95	TB-Khá	TOEIC 440	Kỹ thuật xây dựng
114	Nguyễn Khánh	Học	1916079	19/03/2000	Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	6.88	TB-Khá	TOEIC 555	Kỹ thuật xây dựng công trình biển
115	Nguyễn Hoàng Hữu	Hùng	1913607	14/02/2001	Đồng Nai	Tỉnh Bình Phước	6.96	TB-Khá	TOEIC 585	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy
116	Đỗ Xuân	Hữu	1913668	10/04/2001	Ninh Thuận	Tỉnh Ninh Thuận	7.06	Khá	TOEIC 535	Kỹ thuật xây dựng
117	Nguyễn Gia	Khiêm	1752287	18/07/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.62	TB-Khá	IELTS 7.0	Kỹ thuật xây dựng
118	Lý Văn	Khoa	1752293	24/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7.04	Khá	IELTS 7.5	Kỹ thuật xây dựng
119	Huỳnh Tấn	Khương	1620032	06/05/1986	Tp Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.76	TB-Khá	TOEIC 535	Kỹ thuật xây dựng
120	Phan Huỳnh Thế	Nhân	1813341	14/08/2000	Kon Tum	Tỉnh Kon Tum	6.57	TB-Khá	TOEIC 535	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy
121	Mai Thanh	Phong	1612570	29/05/1992	Long An	Tỉnh Long An	7.84	Khá	TOEIC 715	Kỹ thuật xây dựng
122	Trịnh Phúc Minh	Quân	1813721	02/11/2000	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.46	TB-Khá	TOEIC 750	Kỹ thuật xây dựng
123	Diệp Nhật	Tân	1915037	14/10/2001	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.58	TB-Khá	TOEIC 745	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng
124	Nguyễn Ngọc	Tân	1915060	17/02/2001	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	6.47	TB-Khá	TOEIC 575	Kỹ thuật xây dựng
125	Lê Minh	Tây	2053423	10/11/2002	Bình Thuận	Thành Phố Hồ Chí Minh	2.20	Trung Bình	IELTS 5.5	Kỹ thuật xây dựng
126	Đình Nguyễn Lan	Thanh	1915084	21/10/2001	Tây Ninh	Tỉnh Tây Ninh	6.96	TB-Khá	TOEIC 630	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
127	Huỳnh Công	Thành	1915135	23/09/2001	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	6.70	TB-Khá	TOEIC 565	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng
128	Lê Phạm Công	Thành	1710293	22/03/1999	Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	6.69	TB-Khá	TOEIC 795	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
129	Phạm Nguyễn Huy	Thịnh	1910568	04/01/2001	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	7.08	Khá	TOEIC 545	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng
130	Cô Hoàng Minh	Thuận	1915375	09/08/2001	Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	6.12	TB-Khá	TOEIC 500	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
131	Nguyễn Hiền	Tính	1915525	16/12/2001	Trà Vinh	Tỉnh Trà Vinh	7.62	Khá	TOEIC 555	Kỹ thuật xây dựng
132	Bùi Nguyễn Quang	Trường	1814544	15/01/2000	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.67	TB-Khá	TOEIC 850	Kỹ thuật xây dựng
133	Trần Lê Hoàng	Tú	2233225	12/10/1995	Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hoà	3.70	Xuất Sắc	TOEIC 615	Kỹ thuật xây dựng
134	Nguyễn Trọng	Vịnh	1933693	01/01/1988	Hà Tĩnh	Tỉnh Hà Tĩnh	6.80	TB-Khá	TOEIC 435	Kỹ thuật xây dựng
Khoa Môi trường và Tài nguyên										
135	Trần Thị Cẩm	Giang	1952662	18/01/2001	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.80	TB-Khá	TOEIC 615	Quản lý tài nguyên và môi trường
136	Đình Ngọc Thùy	Linh	1913937	01/01/2001	Tây Ninh	Tỉnh Tây Ninh	7.59	Khá	TOEIC 540	Quản lý tài nguyên và môi trường
137	Lê Thị Ánh	Nguyệt	1952886	24/10/2001	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.59	TB-Khá	IELTS 5.5	Quản lý tài nguyên và môi trường
138	Trần Thế Bình	Tâm	2152954	11/06/2003	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2.80	Khá	TOEIC 695+270	Kỹ thuật môi trường
Khoa Kỹ thuật Giao thông										
139	Tạ An	Giang	1711123	15/02/1998	Long An	Tỉnh Long An	6.20	TB-Khá	TOEIC 455	Kỹ thuật ô tô
140	Lê Minh	Khánh	1710131	01/07/1999	Thành Phố Cần Thơ	Tỉnh Hậu Giang	7.07	Khá	TOEIC 565	Kỹ thuật ô tô
141	Phạm Huỳnh Tấn	Lộc	2010395	03/09/2002	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2.60	Khá	IELTS 5.5	Kỹ thuật ô tô
142	Nguyễn Phan	Thái	1915114	21/10/2001	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	6.87	TB-Khá	TOEIC 525	Kỹ thuật tàu thủy
143	Huỳnh Minh	Thông	2047562	13/08/1999	Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	7.88	Khá	TOEIC 545	Kỹ thuật ô tô
144	Lê Thanh	Tòng	2247825	20/02/2001	Cà Mau	Tỉnh Cà Mau	3.00	Khá	TOEIC 600	Kỹ thuật ô tô
Khoa Công nghệ Vật liệu										
145	Phạm Ngọc	An	1912540	12/10/1999	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	6.52	TB-Khá	TOEIC 530	Kỹ thuật vật liệu
146	Nguyễn Thị Thu	Hiền	1812213	14/10/2000	Nghệ An	Tỉnh Nghệ An	7.19	Khá	TOEIC 590	Kỹ thuật vật liệu

Stt	Họ và tên	Mã số SV	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm trung bình tích lũy ngành	Xếp loại	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
147	Phan Quang Nhật	1911776	08/06/2001	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.54	TB-Khá	IELTS 5.5	Kỹ thuật vật liệu	
148	Nguyễn Quốc Tài	1915007	04/01/2001	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.82	TB-Khá	TOEIC 550	Kỹ thuật vật liệu	
149	Nguyễn Minh Trí	1814462	11/08/2000	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	6.83	TB-Khá	TOEIC 480	Kỹ thuật vật liệu	
150	Đỗ Thúy Vy	1916015	16/11/2001	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Long An	6.87	TB-Khá	TOEIC 555	Kỹ thuật vật liệu	

Tổng cộng: 150 Sinh viên